ENGLISH 5

UNIT 11: FAMILY TIME.

LESSON 2

I.NEW WORDS

1.eat – ate – eaten	(v): ăn
2.see- saw - seen	(v): thấy
3.take a boat trip	(v): đi du lịch bằng tàu thuỷ
4. around	(adv): vòng quanh
5.place	(n): nơi
6. souvenir	(n): đồ lưu niệm
7. summer	(n): mùa hè
8. autumn	(n): mùa thu
9.winter	(n): mùa đông
10.spring	(n): mùa xuân

LIVEWORKSHEETS